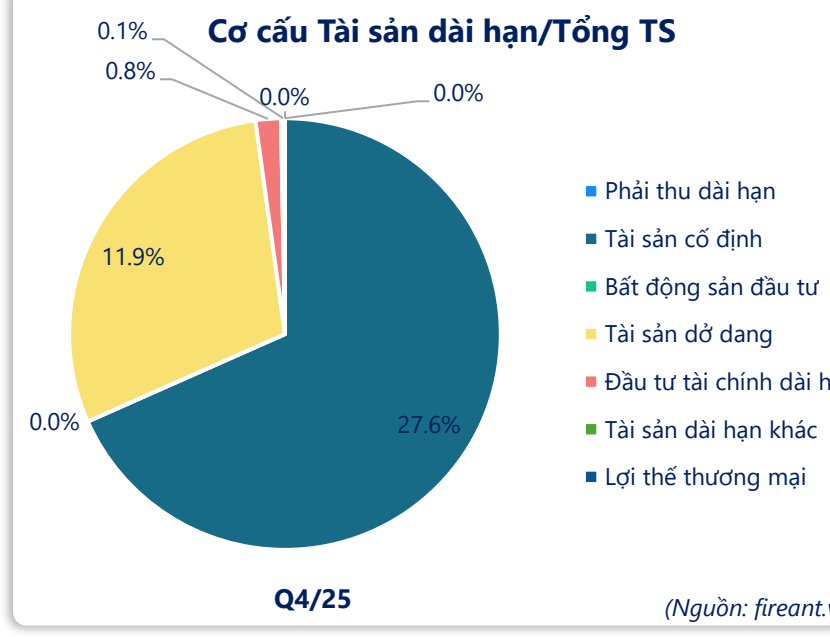
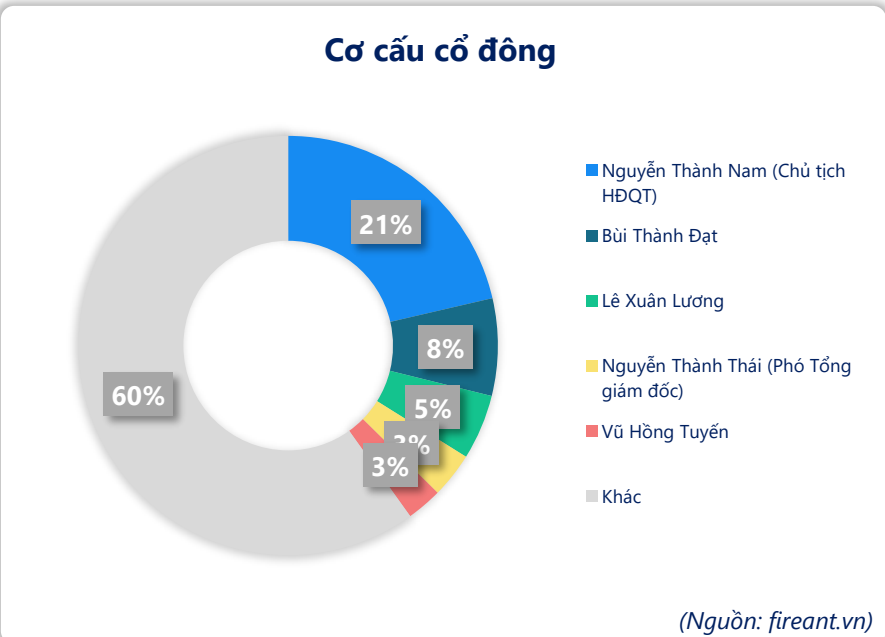
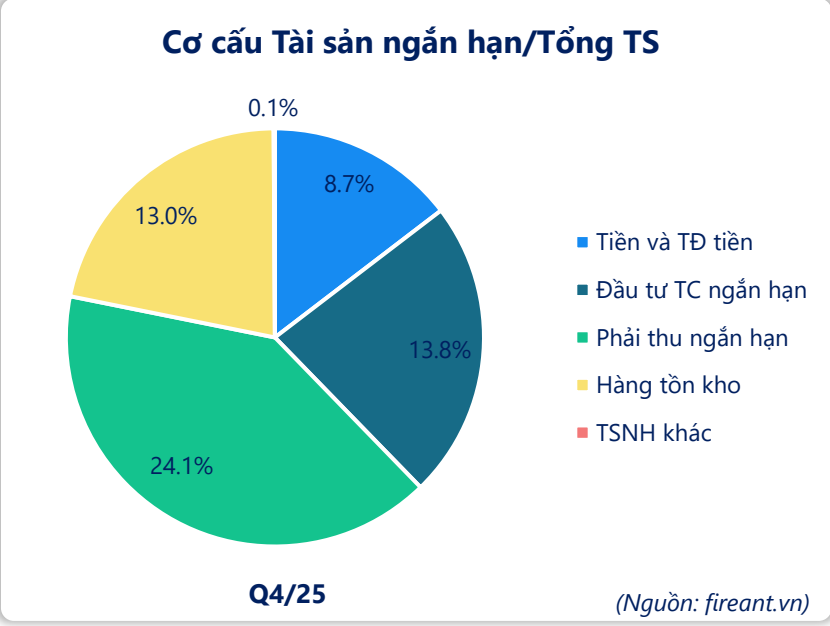
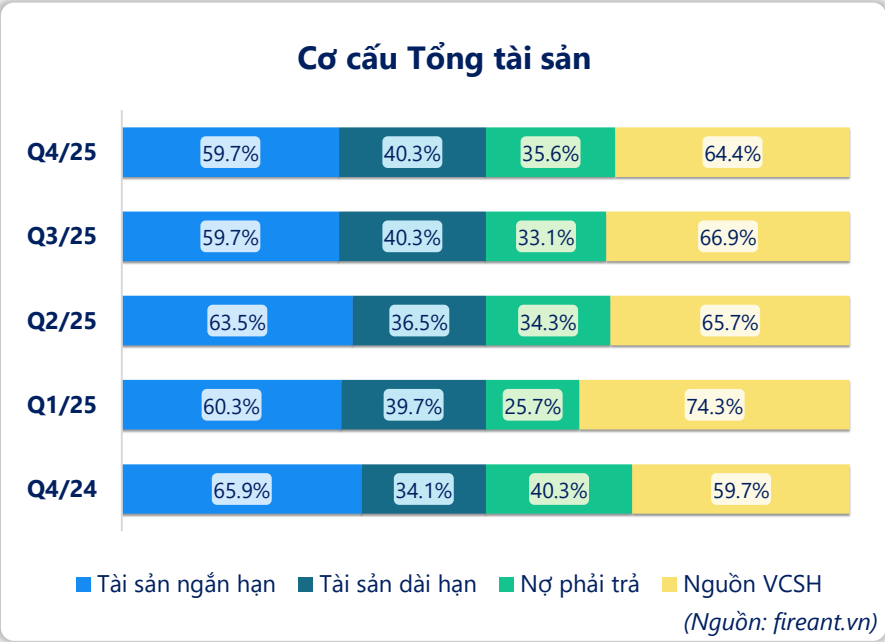
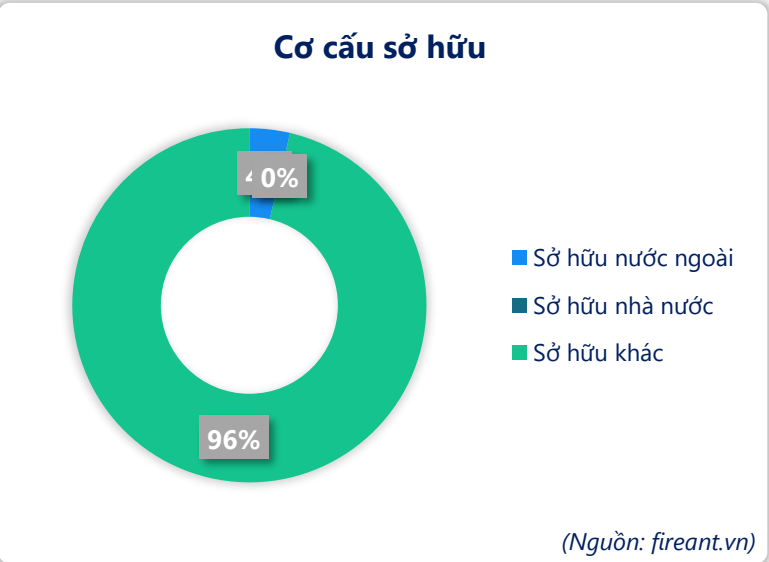
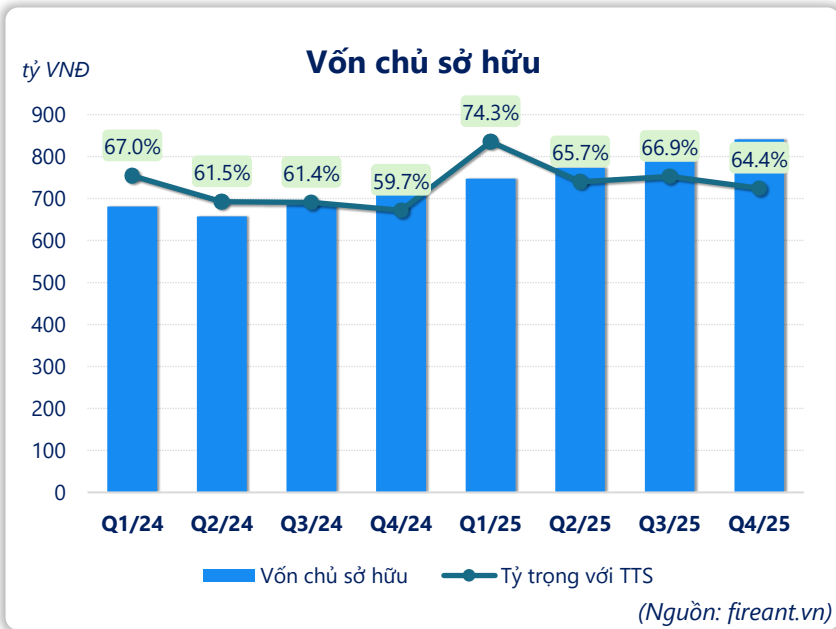
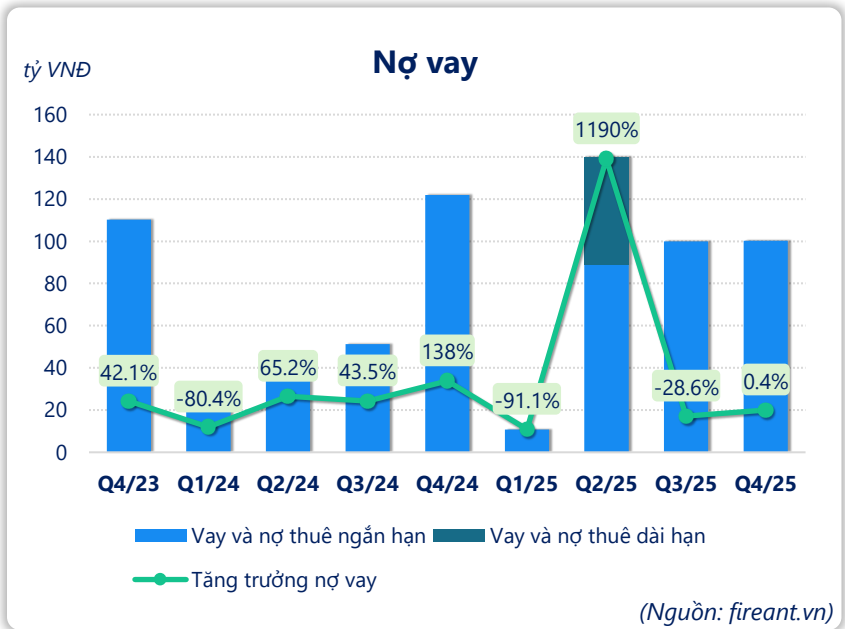
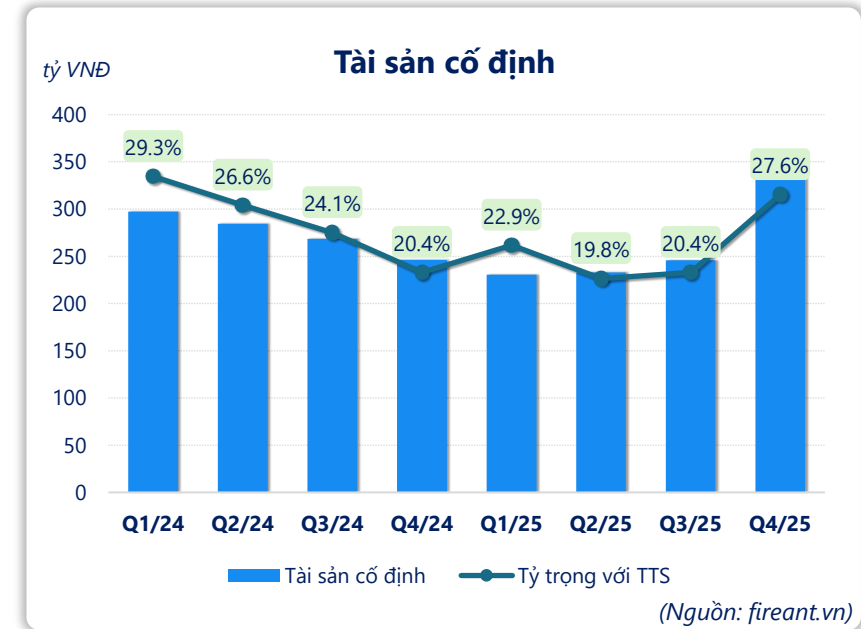
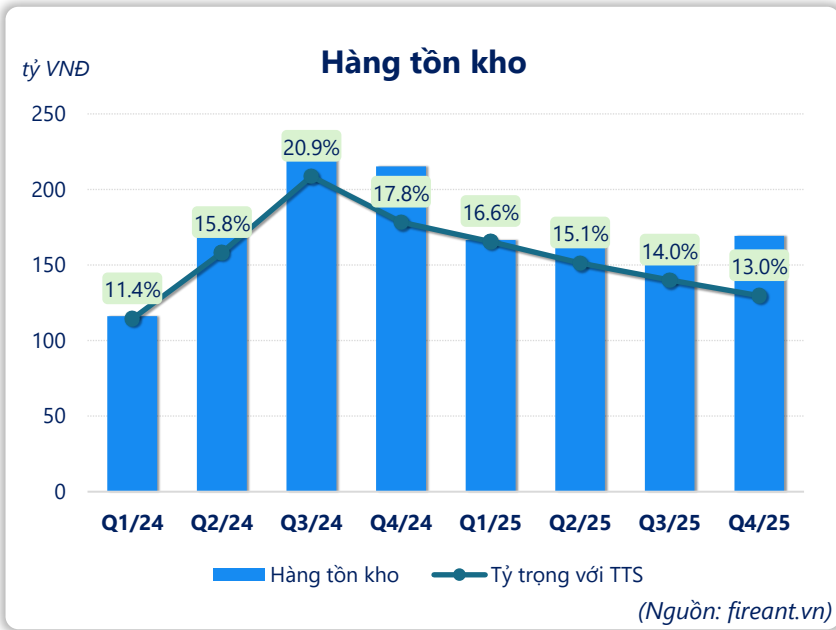
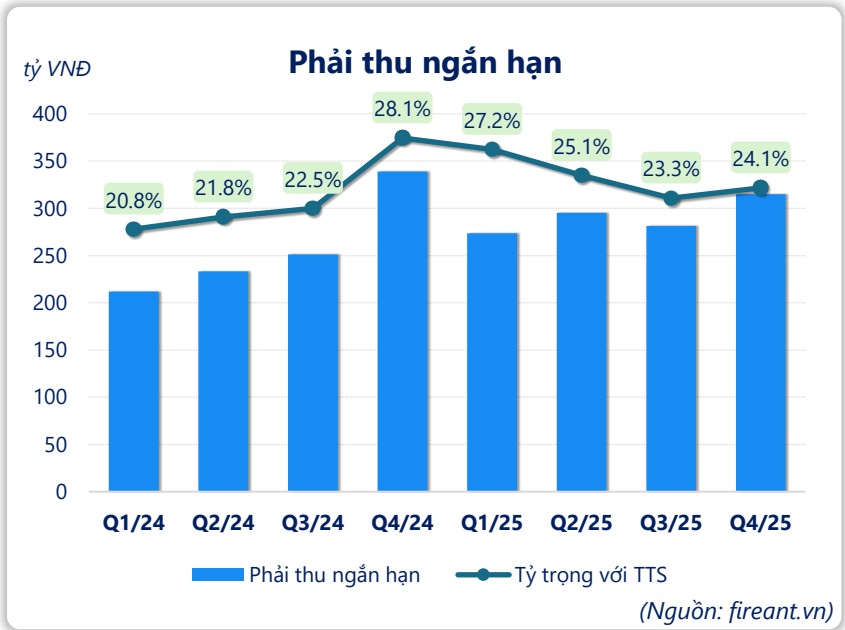
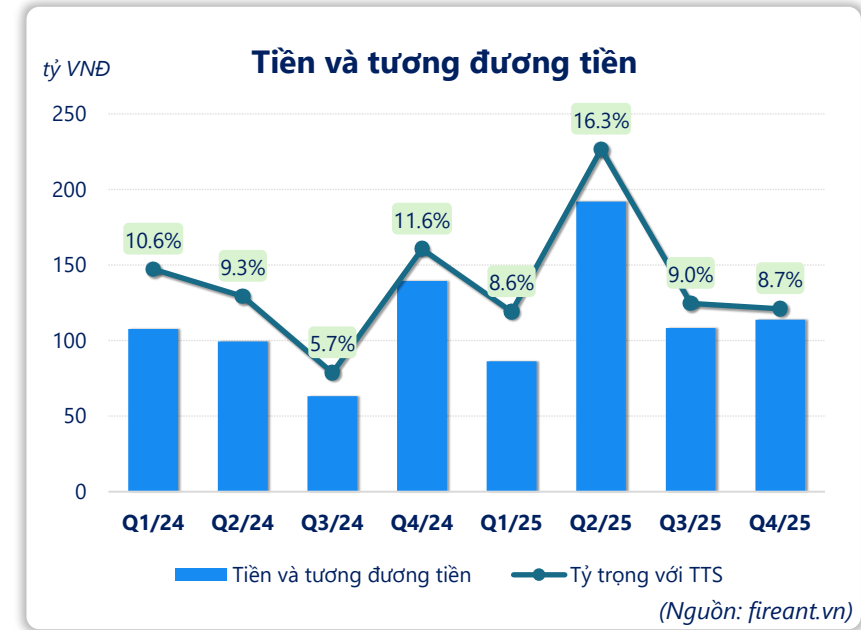
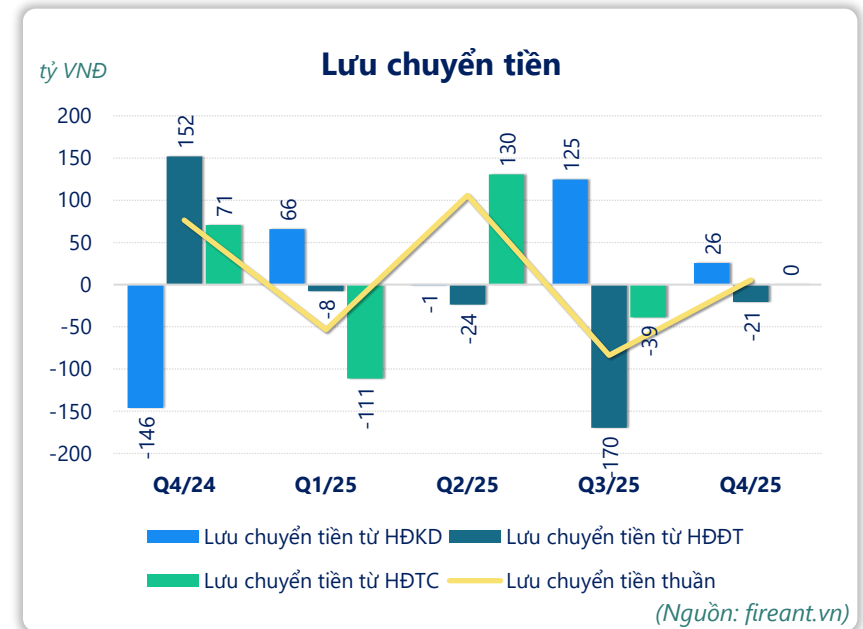
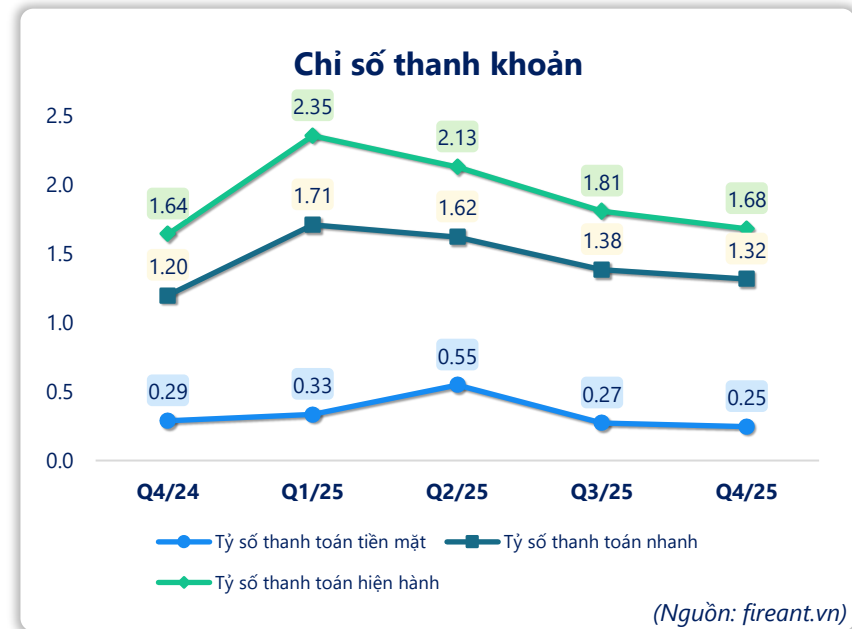
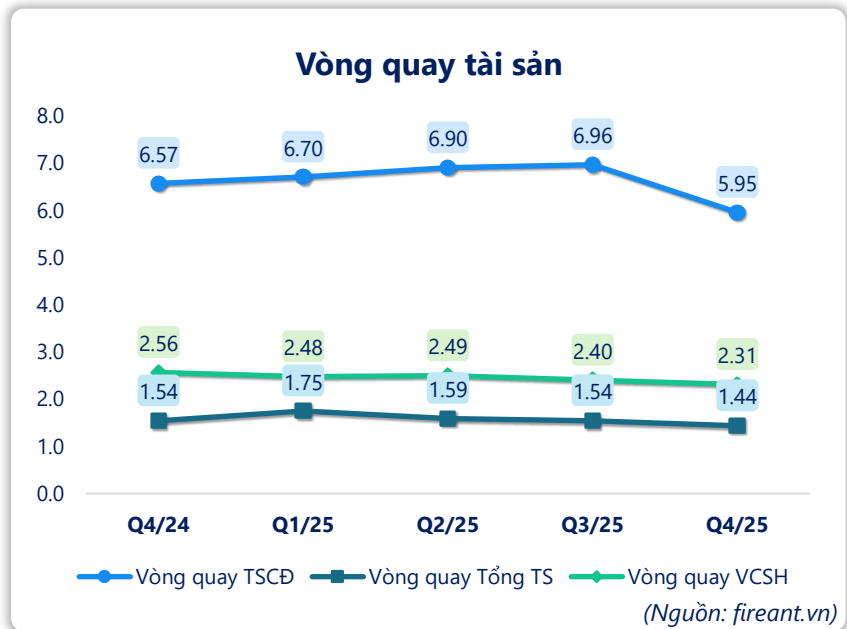
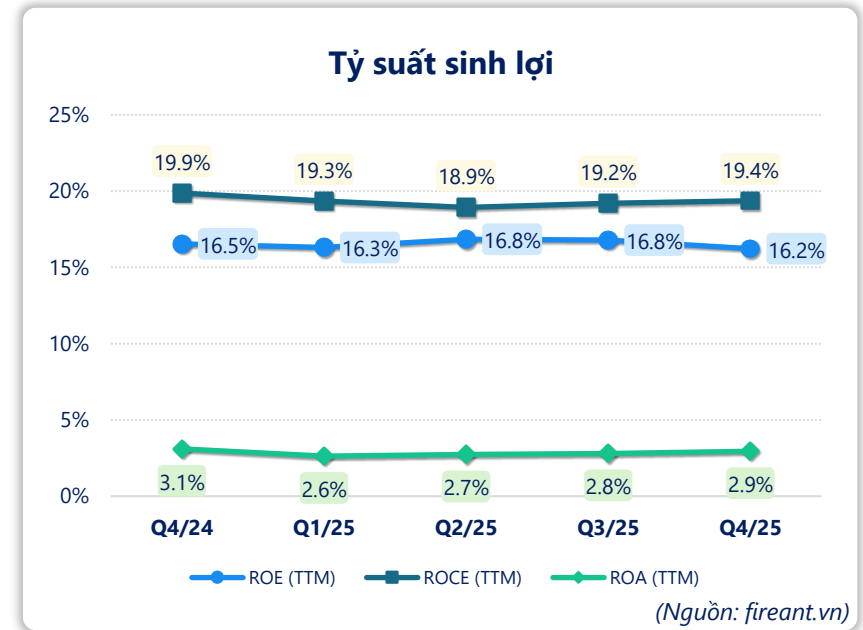
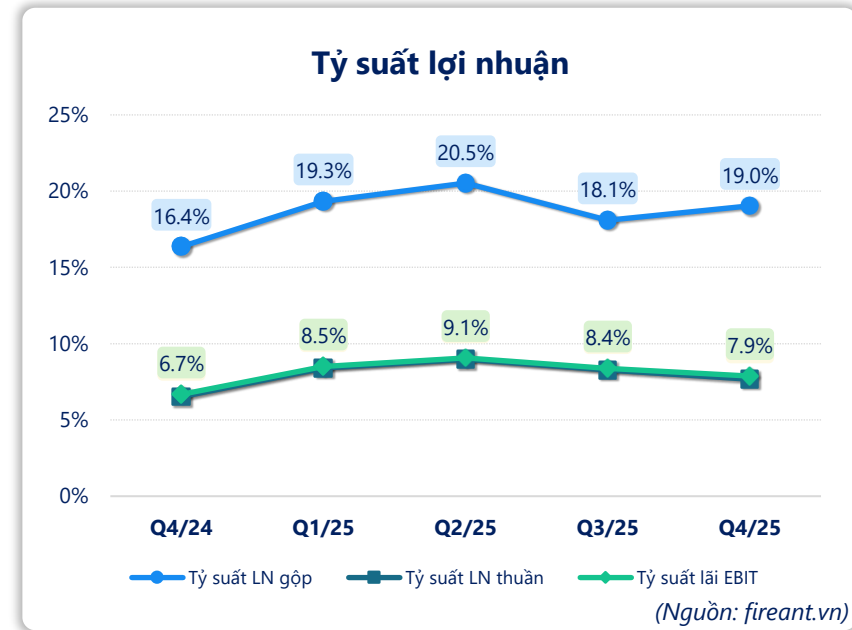
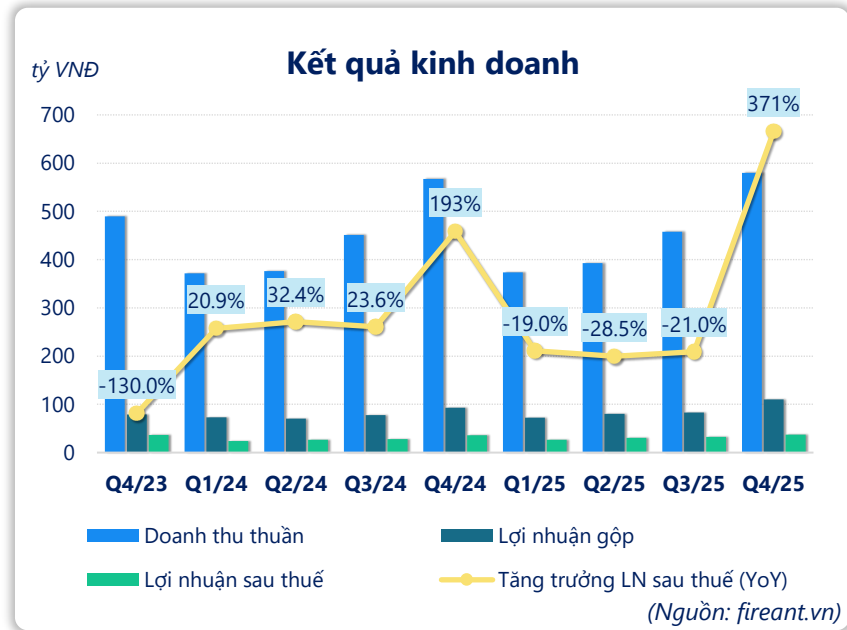


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		41,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		48,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		35,426
SL cổ phiếu LH		27,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		5,485
% sở hữu nước ngoài		3.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,131
P/E		8.9
EPS		4,694

	YTD	1T	3T	6T
INN	15.4%	-1.4%	-12.7%	-0.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,305	1,207	8.2%
Tài sản ngắn hạn	779	796	-2.1%
Tiền và tương đương tiền	114	139	-18.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	180	100	80.0%
Phải thu ngắn hạn	315	339	-7.1%
Hàng tồn kho	169	215	-21.3%
Tài sản ngắn hạn khác	0.78	2.09	-62.6%
Tài sản dài hạn	527	411	28.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	360	246	46.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	155	6.87	2159%
Đầu tư tài chính dài hạn	10.0	10.0	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.56	148	-99.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	465	486	-4.4%
Nợ ngắn hạn	463	485	-4.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	100	122	-17.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	140	131	6.8%
Nợ dài hạn	1.28	1.28	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	841	721	16.6%
Vốn chủ sở hữu	841	721	16.6%
Vốn điều lệ	270	180	50.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	567	373	393	458	580
Giá vốn hàng bán	474	301	312	375	470
Lợi nhuận gộp	92.8	72.2	80.7	82.8	110
Doanh thu HĐTC	2.10	0.60	0.06	1.99	3.85
Chi phí TC	0.63	0.32	0.28	0.36	1.07
Chi phí lãi vay	0.63	0.31	0.28	0.36	1.07
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	21.0	11.1	9.95	12.6	19.7
Chi phí QLDN	36.3	30.0	35.2	33.9	49.1
LN thuần từ HĐKD	37.0	31.4	35.3	37.9	44.4
Lợi nhuận khác	0.24	0.10	0.08	0.14	0.21
LN trước thuế	37.2	31.5	35.4	38.0	44.7
Lợi nhuận sau thuế	35.6	26.6	30.6	32.5	37.0
LNST của CĐ cty mẹ	35.6	26.6	30.6	32.5	37.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-146	65.9	-0.92	125	25.6
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	152	-7.91	-23.8	-170	-20.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	70.8	-111	130	-38.9	0.42
Tiền đầu kỳ	63.2	139	86.3	192	108
Lưu chuyển tiền thuần	76.2	-53.2	106	-83.7	5.40
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0.16
Tiền cuối kỳ	139	86.3	192	108	114

(Nguồn: fireant.vn)